

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHỤC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Q; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa chữa cho bị cáo Hồ Văn C: ông Lê Anh D, Luật sư thuộc Văn phòng L3, Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: số B, đường H, phường N, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn P: bà Trần Thị Ly L, Luật sư thuộc Công ty L4, Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: 1, đường T, phường N, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

- Người phiên dịch: ông Hồ Quốc P1; địa chỉ: I Đ, khối E, xã K, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22/11/2023, tại nhà của Hồ Văn C ở thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Trị có Ngô Quốc L1, Trần Bình T1 và Hồ Văn H1. Lúc này, C sử dụng tài khoản Messenger “Đ nói nhiều”, gọi đến tài khoản M1 “Phước Kandy” của Nguyễn Văn P, rủ P đến nhà C chơi. Sau đó, C, P, T1 cùng đến nhà H1 ở thôn H và ngủ tại đây. Khoảng 22 giờ cùng ngày, L1 chở T1 về nhà, C đưa điện thoại Iphone 12 pro màu trắng của C cho P, thời điểm này màn hình điện thoại đang hiển thị giao diện Telegram trò chuyện với tài khoản Telegram tên “Mắc Biếc Cá Ngừ” của Trần Bảo V, sinh năm 1993, trú tại H V, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, C nhờ P đọc và nhắn tin trả lời (do C không biết đọc, viết tiếng Việt phổ thông). P thấy tài khoản “Mắc Biếc Cá Ngừ” nhắn nội dung “tôi ni chạy chưa”, P đọc cho C thì C bảo P nhắn lại “tôi ni chuẩn bị đi rồi”, tài khoản tên “Mắc Biếc Cá Ngừ” nhắn lại “ok, ok”, P đọc cho C thì C nhờ P nhắn “đợi tí, đợi tí, đợi L1 về đã, có chi nhắn lại”.

Đối với L1 và T1, sau khi về nhà L1 khoảng 30 phút, thì Hồ A D1 đến nhà L1 tìm C, nhưng không có C nên D1 ngồi lại đợi. Một lúc sau, C điều khiển xe mô tô, chở P đi từ nhà H1 đến nhà L1 gặp L1, T1 và D1. C bảo “anh em ra ngoài sân có việc nói”, C nói với D1 bằng tiếng Bru-Vân K1, rồi nói với P đi cùng D1 vào bản 10, xã T, huyện H nhận “hàng” vận chuyển về cầu Đ, để đó có người ở Đ đến nhận, sẽ trả công cho mỗi người là 10.000.000đ, P hiểu hàng mà C nói là ma túy, P đồng ý. Thời điểm này, L1 và T1 nghe được nội dung C nói với P đi vô bản lấy “hàng”, vì trước đây L1 đã từng được C thuê đi canh giới cho người khác vận chuyển ma túy nên L1 biết “hàng” là ma túy, còn Trọng nghĩ là hàng cấm nên hỏi C “hàng chi mà đi lấy muộn dữ rứa”, C trả lời “không có chi hết, đừng có lo”. Sau đó, C nói với T1 “chờ L1 đi vô Huế theo đường A”, rồi nói với L1 và T1 “đi đồ xăng bơ chạy trước dò đường, có Công an thì báo, chạy đường A nghe, mua thêm xăng để đem đi theo, đi xong về ung mấy thì đưa mấy”, nghe

C nói vậy, L1 hiểu C bảo L1 và T1 đi dò đường để P vận chuyển ma túy đi theo đường C vào Huế giao cho người khác.

Khoảng 00 giờ ngày 23/11/2023, L1 điều khiển xe mô tô chở T1 đi đến quán T2 và mua thêm 02 can xăng hết tổng cộng 300.000đ mang theo để phòng xe hết xăng trong quá trình di chuyển. Trong lúc T1 và L1 đi, C, P và D1 tiếp tục ở nhà L1 thì C nói “ai đi thì đi” và nói P điều khiển xe đến quán cà phê chờ người đàn ông dân tộc B-Vân Kiều cùng đi, nếu mà thành công thì mỗi người được 10.000.000đ. D1 đi về nhà mà không đi cùng P. Thấy vậy, C hứa xong việc sẽ trả cho P 20.000.000đ, đồng thời thông báo cho P biết T1 và L1 sẽ đi theo cảnh giới, P đồng ý.

Theo hướng dẫn của C, P điều khiển xe mô tô của C, đi đến một quán cafe 2 tầng, gần D1, gặp một người Lào (không rõ lai lịch, địa chỉ) đi xe mô tô wave màu trắng, người này dẫn P đến trước sân một ngôi nhà thuộc bản A, xã T, huyện H và yêu cầu Phước đợi. Người này đi khoảng 15 phút sau quay lại đưa cho P 01 túi nilon, dạng túi xách màu vàng, P nhận và nhìn thấy phía trên túi nilon màu vàng có 01 túi nilon màu đen, P biết bên trong có ma túy, nên buộc chặt miệng túi lại rồi đặt túi lên giá để đồ trước yên xe mô tô. Lúc này, người Lào lấy máy điện thoại của P xóa dữ liệu liên lạc trong máy rồi trả lại máy cho P.

Về phần T1 và L1, sau khi đi mua xăng, L1 điều khiển xe chở T1 còn T1 đưa điện thoại của T1 cho L1 ngồi sau để tiện liên lạc. Trên đường đi, C nhiều lần sử dụng tài khoản Facebook “Đ nói nhiều” gọi đến tài khoản Facebook “T” của T1, gặp L1, C hỏi tình hình trên đường và yêu cầu L1 giao 03 “tám” ma túy tổng hợp trong số ma túy mà P trực tiếp vận chuyển ở Cầu T, huyện Đ. Sau đó, L1 sử dụng tài khoản Facebook “Trần Bình T1” gọi đến tài khoản facebook “Phước Kendy” của P, nói với P giao 03 “tám” ma túy tổng hợp ở Cầu T. Khi T1 và L1 đi đến đoạn đường phía trước Công an xã Đ, huyện Đ, L1 nhìn thấy một người đứng sau cột trụ sở Công an xã Đ nhìn ra Quốc lộ I, nên khi đi qua Cầu T Đakrông vào Quốc lộ A một đoạn, L1 bảo Trọng dừng xe lại và hỏi: “nãy chạy ngang qua Đồn Công an có thấy ai nhìn ra không”, T1 trả lời “không để ý”. Sau đó, L1 lấy điện thoại của T1, thông báo cho C, P nội dung “Có người nơi Đồn Công an Đakrông nhìn ra, đừng có đi nữa”. C nhắn tin cho P nội dung “P chạy đi”. P xóa tin nhắn, rồi tiếp tục vận chuyển ma túy đi theo thỏa thuận trước đó với C. Một lúc sau, C gọi điện cho P nói “Đừng bỏ hàng ở cầu Đ mà chạy theo đường C vào Quốc lộ D thuộc địa phận Huế, có người nhận hàng, tiền bạc nói sau”, P đồng ý. Tiếp đó, C gọi cho L1 và nói “Cứ đi tiếp đi”. Nghe vậy, L1 gọi nói với P nội dung “Đừng giao ba tám ở Cầu T vì có Công an đang đứng nhìn ra, đem vô trong ni có L1 và T1”. Sau đó, L1 điều khiển xe chở T1 tiếp tục đi theo Quốc lộ A hướng huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi được một đoạn thì T1 thay L1 điều khiển xe mô tô.

Một lúc sau, P điều khiển xe mô tô vượt lên trước xe T1 và L1, ánh đèn xe mô tô của T1 và L1 chiếu vào xe mô tô của P, nên T1 và L1 thấy ở giá để đồ phía trước yên xe mô tô của P có đặt một gói nilon màu vàng. Thời điểm này,

T1 biết rõ “hàng” mà C thuê T1 và L1 cảnh giới cho P vận chuyển là ma túy. L1 hỏi P “Có đồ xăng không”, P trả lời “Không”. Sau đó, T1 tiếp tục điều khiển xe vượt qua xe P để đi trước cảnh giới. Khoảng 03 giờ 15 phút cùng ngày, T1 chở L1 đi trước xe Phước khoảng 10m, khi đến Km 295+100 Quốc lộ A, thuộc thôn V, xã T, huyện Đ, thì phát hiện Tổ công tác Công an huyện Đ đang làm nhiệm vụ ra tín hiệu dừng phương tiện, T1 chở L1 vượt qua điểm chốt của Tổ công tác, đi tiếp khoảng 150m thì bị đón chặn; còn P đi sau thấy vậy nên quay xe bỏ chạy hướng ra Cầu T. Khi quay lại, P làm rơi túi nilon màu vàng chứa ma túy trên mặt đường. P lái xe theo Quốc lộ A khoảng 02 km, rồi rẽ vào Cổng chào thôn A, đi thêm khoảng 1,5 km thấy một bãi đất trống, P dừng xe, tắt máy điện thoại và trốn vào bụi cây. Sau đó, T1 và L1 tự thú, P bị bắt trong trường hợp khẩn cấp.

Ngoài ra, Ngô Quốc L1 còn khai nhận, trước lần vận chuyển ma túy nêu trên, L1 có 02 lần được C thuê đi cùng với một người đàn ông quốc tịch Lào (không rõ nhân thân lai lịch) để cảnh giới cho người khác vận chuyển ma túy. Lần thứ nhất cảnh giới cho người khác vận chuyển từ xã T, huyện H đi qua thành phố Đ vào tỉnh Thừa Thiên Huế, L1 được C trả công số tiền 10.000.000đ; lần thứ hai cảnh giới cho người khác vận chuyển ma túy từ xã T, huyện H đến thành phố Đ, L1 được C trả công số tiền 5.000.000đ.

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Văn P, Ngô Quốc L1, Trần Bình T1 trình bày lời khai về diễn biến hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy đã thực hiện, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Hồ Văn C trình bày không quen biết Hồ A D1, Nguyễn Văn P, Ngô Quốc L1, Trần Bình T1, Trần Bảo V; không bán trái phép ma túy cho Trần Bảo V, không thuê Nguyễn Văn P, Ngô Quốc L1, Trần Bình T1 vận chuyển ma túy. Lời khai của Hồ Văn C không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Bản Kết luận giám định số 1177/KL-KTHS, ngày 30/11/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận:

“+ Các viên nén màu hồng trong túi niêm phong mã số NS1 2017547 là ma túy loại methamphetamine, có tổng khối lượng 1.777,83gam; Các viên nén màu xanh trong túi niêm phong mã số NS1 2017547, không tìm thấy chất ma túy, có tổng khối lượng 14,30gam.

+ Các tinh thể màu trắng trong túi niêm phong mã số NS1 2017536 là ma túy loại ketamine, có tổng khối lượng 2.992,64gam.

Methamphetamine là chất ma túy quy định tại Danh mục IIC, STT: 247 và Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 40, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất”.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định: tuyên bố các bị cáo Hồ Văn C, Nguyễn Văn P phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 39 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Hồ Văn C**: tù chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/12/2024.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 39 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P**: tù chung thân, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/11/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phân hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/7/2025, các bị cáo **Hồ Văn C**, **Nguyễn Văn P** kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo **Hồ Văn C**, **Nguyễn Văn P** giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo phát biểu quan điểm thống nhất với tội danh mà Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã xét xử đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ mới là thật thà khai báo đối với bị cáo **Hồ Văn C**; vai trò thứ yếu của bị cáo **Nguyễn Văn P** trong vụ án để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo hưởng hình phạt tù có thời hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời bào chữa của những người bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: ngày 22/7/2025, các bị cáo **Hồ Văn C**, **Nguyễn Văn P** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo **Hồ Văn C** không thừa nhận có quen biết **Nguyễn Văn P**, **Ngô Quốc L1** và **Trần Bình T1**, bị cáo không thuê **Nguyễn Văn P**, **Ngô Quốc L1**, **Trần Bình T1** vận chuyển ma túy. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình và cho rằng tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội.

Lời khai nhận tội của **Hồ Văn C** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo **Nguyễn Văn P** và phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 23/11/2023, **Nguyễn Văn P**, **Ngô Quốc L1**, **Trần Bình T1** đã có hành vi vận chuyển 1.777,83 gam ma túy loại Methamphetamine và 2.992,64 gam ma túy loại Ketamine cho **Hồ Văn C** từ huyện H, tỉnh Quảng Trị để đưa vào tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) giao cho người khác để nhận tiền công. **Hồ Văn C** là người trực tiếp thuê, phân công nhiệm vụ cho **Nguyễn Văn P**, **Ngô Quốc L1** và **Trần Bình T1**; trong đó **Nguyễn Văn P** là người trực tiếp nhận, vận chuyển ma túy, **Nguyễn Quốc L2** và **Trần Bình T1** chở nhau bằng mô tô đi trước cảnh giới cho cho **P** vận chuyển ma túy.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị kết tội **Hồ Văn C**, **Nguyễn Văn P** “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức rõ ma túy là mối hiểm họa lớn cho toàn xã hội, nếu sử dụng trái phép sẽ gây nguy hại cho sức khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy. Nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi vận chuyển trái phép khối lượng 1.777,83 gam ma túy loại Methamphetamine và 2.992,64 gam ma túy loại Ketamine.

Trong vụ án này, cùng một lúc các bị cáo vận chuyển nhiều loại ma túy với khối lượng lớn nên cần phải bị xử phạt mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng các bị cáo cũng như phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa chung trong xã hội. Đây là vụ án đồng phạm, trong đó **Hồ Văn C** là người chủ mưu, cầm đầu, phân công nhiệm vụ cho các bị cáo khác; **Nguyễn Văn P** là người thực hành tích cực, trực tiếp vận chuyển ma túy. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cụ thể: **Nguyễn Văn P** có thái độ thành khẩn khai báo; đã giao nộp các tài liệu liên quan hỗ trợ công tác điều tra giải quyết vụ án; tích cực khai báo về hành vi phạm tội của **Hồ Văn C** nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo **Hồ Văn C**: quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo không khai báo, khai báo quanh co nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ Người phạm tội thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo **C** là người dân tộc thiểu số, không biết chữ, nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ; **Hồ Văn C** là người thuê và hứa hẹn trả tiền công để các bị cáo thực hiện hành vi vận chuyển ma túy, trong đó bị cáo **Ngô Quốc L1** là người dưới 18

tuổi nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá đầy đủ về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cũng như áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo **Hồ Văn C**, **Nguyễn Văn P** mức hình phạt tù Chung thân là tương xứng, phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Văn P** không có tình tiết giảm nhẹ mới; **Hồ Văn C** thật thà khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, mức hình phạt cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là tương xứng, phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo mà giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu theo quy định.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Hồ Văn C**, **Nguyễn Văn P**. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo: **Hồ Văn C** tù Chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời gian bị cáo chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 21/12/2024.

1.2. Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Văn P** tù Chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời gian bị cáo chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 23/11/2023.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Hồ Văn C**, **Nguyễn Văn P** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2025/HS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên